

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 302/2025/HS-ST

Ngày: 28-5-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA - TỈNH ĐỒNG NAI

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Loan Trần Hải Yên.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Trần Chính
- Bà Nguyễn Thị Bích Thủy

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Tôn Hoài Anh Tuyển – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:** Ông Đinh Quốc Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 228/2025/TLST-HS ngày 02 tháng 4 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 307/2025/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 5 năm 2025 đối với bị cáo:

Nguyễn Tấn T, sinh năm 2005, tại tỉnh Đồng Nai.

Nơi ĐKKHKT: tổ 3, ấp 8, xã Thanh Sơn, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai.

Nơi ở: tổ 16C, khu phố An Hòa, phường Hóa An, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai.

Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 08/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Phật giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Thanh S và bà Hoàng Thị Kim D; Bị cáo chưa có vợ con.

Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo đầu thú ngày 21/10/2024, đang bị tạm giam tại Phân trại tạm giam khu vực thành phố B. (Bị cáo có mặt)

- **Bị hại:** Chị **Phạm Ngọc T1**, sinh năm 2004. (Vắng mặt)

Nơi ĐKKHKT: khu phố D, thị trấn G, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

Chỗ ở hiện nay: nhà trọ Lâm Văn G, đường K, khu phố B, phường K, thành phố T, Bình Dương,

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà **Nguyễn Thu N**, sinh năm 1965. (Vắng mặt)

Địa chỉ: B, KP1, phường B, thành phố B, Đồng Nai.

2. Chị **Bùi Thị T2**, sinh năm 1971. (Vắng mặt)

Địa chỉ: 3, KP2, phường T, thành phố B, Đồng Nai.

3. Anh **Đoàn Đình C**, sinh năm 1976. (Vắng mặt)

Địa chỉ: I H, tổ A, khu phố A, phường H, thành phố B, Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Tấn T là người không có nghề nghiệp nhưng lại muốn có tiền tiêu xài nên T đã nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. Khoảng 10 giờ ngày 19/10/2024, T đi bộ đến khu phố A, phường H, thành phố B tìm nhà sơ hở trong việc quản lý tài sản để trộm cắp nhưng không tìm được. Lúc này, T thấy ở bên đường có các mảnh kính vỡ nên đã nảy sinh ý định dùng mảnh kính sắt nhọn để đe dọa người khác nhằm chiếm đoạt tài sản. Thực hiện ý định trên T nhặt 01 (một) mảnh kính vỡ màu trắng (có phần đầu sắc nhọn) bỏ vào túi áo khoác bên phải rồi đi tìm người có tài sản để chiếm đoạt.

Khoảng 12 giờ cùng ngày, T đi bộ đến dãy phòng trọ thuộc tổ A, khu phố B, phường H, thành phố B thì thấy phòng trọ số 01 cửa khép hờ nên T đẩy cửa, đi vào trong phòng trọ. Lúc này, T thấy chị Phạm Ngọc T1, sinh năm 2004 ngụ tại khu D, thị trấn G, huyện G, tỉnh Kiên Giang đang sử dụng điện thoại di động hiệu Iphone 11 và nằm quay lưng về phía cửa ra vào. Thấy vậy, T lấy mảnh kính vỡ từ trong túi áo khoác ra đi đến chỗ chị T1 nằm rồi T quỳ gối xuống, dùng tay trái ghì mạnh vào cổ, còn tay phải cầm mảnh kính có phần đầu sắc nhọn hướng về phía chị T1 và nói “đưa điện thoại đây”. Lúc này chị T1 hoảng sợ dùng tay trái giữ tay phải đang cầm mảnh kính của T lại thì T dí mảnh kính vỡ vào gần cổ của chị T1 nên chị T1 dùng ngón trỏ và ngón cái tay phải giữ phần đầu của mảnh kính vỡ lại và không chống cự nữa. Sau đó, T yêu cầu chị T1 đưa điện thoại Iphone 11 cho T nên chị T1 dùng tay trái với lấy điện thoại rồi đưa cho T. T cất điện thoại vào trong túi quần rồi tiếp tục yêu cầu chị T1 đưa tiền cho T nên chị T1 đi đến chỗ treo áo khoác lấy ra được khoảng 100.000 đồng và đưa cho T. T cầm lấy tiền thì thấy ít nên ném tiền xuống nền nhà rồi yêu cầu chị T1 gỡ 01 nhẫn vàng 14K đeo trên ngón tay giữa của bàn tay trái ra để đưa cho T thì chị T1 không đồng ý. Thấy vậy, T tiếp tục dùng tay ghì vào cổ và ghì người chị T1 xuống đất để tháo nhẫn. Do lo sợ bị đánh nên chị T1 đã tự tháo nhẫn ra và đưa cho T. Tiếp đó, T yêu cầu chị T1 gỡ đôi bông tai vàng đang đeo trên tai xuống nhưng chị T1 nói đây là vật kỷ niệm của mẹ nên T không lấy nữa và bỏ đi.

Sau khi chiếm đoạt được tài sản, T đi đến tiệm V “So Thy” thuộc khu phố A, phường H thành phố B do bà Nguyễn Thu N ngụ khu phố A, phường B, thành phố B làm chủ. Tại đây T gặp chị Bùi Thị T2 là nhân viên của tiệm vàng và T đã bán 01 nhẫn vàng 14K cho chị T2 với giá 1.700.000 đồng. Tiếp đó T đi bộ đến tiệm D tại tổ A, khu phố A, phường H, thành phố B do anh Đoàn Đình C làm chủ. Tại đây, anh C đồng ý mua chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 11 với giá 2.500.000 đồng nên T đưa cho anh C số tiền 1.700.000 đồng và nhờ anh C chuyển tổng cộng 4.200.000 đồng vào tài khoản ngân hàng của T. Sau đó, T đã rút số tiền trên ra tiêu xài cá nhân và trả nợ hết. Đến ngày 21/10/2024, T nhận thấy hành vi của bản thân là vi phạm pháp luật nên đã đến công an phường H đầu thú.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 82/KL – HĐĐGTS ngày 24/10/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự thành phố B kết luận: 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11 và 01 nhẫn vàng 14K có tổng giá trị là 4.884.240 đồng.

Vật chứng thu giữ:

- Vật chứng của vụ án một điện thoại di động hiệu Iphone 11 và 01 nhẫn vàng 14K Cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố B đã trả lại cho chị Phạm Ngọc T1.

- Mảnh kính vỡ Nguyễn Tấn T đã vứt bỏ nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố B không thu hồi được.

- 01 áo thun ngắn tay, 01 quần lửng, 01 áo khoác, 01 mũ bảo hiểm và 01 điện thoại di động hiệu Vivo là tài sản cá nhân của Nguyễn Tấn T nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã trả lại cho T.

Về trách nhiệm dân sự: Chị Phạm Ngọc T1 đã nhận lại tài sản nên không yêu cầu bồi thường. Anh Đoàn Đình C và chị Nguyễn Thu N không yêu cầu bồi thường.

Bản cáo trạng số: 244/CT-VKSBH ngày 26/3/2025 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa truy tố bị cáo Nguyễn Tấn T về tội “Cướp tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa trình bày lời luận tội vẫn giữ nguyên quyết định truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm d khoản 2 Điều 168, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Tấn T từ 08 (tám) năm đến 09 (chín) năm tù;

Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm trở về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan Điều tra Công an thành phố B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định tại Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại giai đoạn điều tra, với lời khai của bị hại, các chứng cứ khác có tại hồ sơ và cáo trạng mô tả. Từ đó đã có đủ cơ sở kết luận: Ngày 19/10/2024, tại phòng trọ số 01 thuộc dãy phòng trọ tại tổ A, khu phố B, phường H, thành phố B, Nguyễn Tấn T đã sử dụng một mảnh kính vỡ để thực hiện hành vi cướp tài sản của chị Phạm

Ngọc T1 gồm 01 điện thoại di động Iphone 11 và 01 nhẫn vàng 14K có tổng trị giá là 4.884.240 đồng.

[2.1] Hành vi của bị cáo T đã phạm vào tội “Cướp tài sản” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự như cáo trạng đã truy tố là có căn cứ.

[2.2] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, nên cần xử phạt bị cáo một mức án tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[3] Về tình tiết tăng nặng: Không.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo ra đầu thú. Do đó, cần cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Về xử lý vật chứng:

[5.1] Đối với 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11 và 01 nhẫn vàng 14K Cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố B đã trả lại cho chị Phạm Ngọc T1 là phù hợp.

[5.2] Đối với mảnh kính vỡ Nguyễn Tấn T đã vứt nên cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố B không thu hồi được nên không đặt ra xem xét.

[5.3] Đối với 01 áo thun ngắn tay, 01 quần lửng, 01 áo khoác, 01 mũ bảo hiểm và 01 điện thoại di động hiệu Vivo là tài sản cá nhân của Nguyễn Tấn T nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã trả lại cho T là phù hợp.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Đối với anh Đoàn Đình C mua 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11 và bà Nguyễn Thu N mua 01 nhẫn vàng 14K nhưng không biết đó là tài sản do Nguyễn Tấn T phạm tội mà có nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố B không xử lý trách nhiệm hình sự là phù hợp.

[8] Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[9] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa về tội danh, hình phạt và án phí phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 168; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều

38 Bộ luật Hình sự;

- Tuyên bố bị cáo Nguyễn Tấn T phạm tội “Cướp tài sản”.
- Xử phạt bị cáo Nguyễn Tấn T 08 (tám) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 21/10/2024.

2. Về án phí hình sự: Căn cứ khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo Nguyễn Tấn T phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị hại, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Đồng Nai - Phân trại tạm giam khu vực thành phố Biên Hòa;
- Thi hành án hình sự;
- Chi cục THA dân sự thành phố Biên Hòa;
- Sở tư pháp;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Loan Trần Hải Yến